

MỘT SỐ BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGHỆ THUẬT SO SÁNH ĐỂ VIẾT VĂN MIÊU TẢ CHO HỌC SINH LỚP 4

LÊ THỊ HỒNG*

Ngày nhận bài: 20/03/2016; ngày sửa chữa: 05/04/2016; ngày duyệt đăng: 06/04/2016.

Abstract: Writing is one of important skills of language, in which writing description accounts for a long duration of learning Vietnamese language grade 4. Improving writing skills helps students easily describe various objects of around world, express their emotions and develop imagination. To write interesting and lively descriptive writings, students must train comparison skills such as simile, metaphor and personification. The article proposes bases to design some exercises to train comparison skills in descriptive writing for students grade 4. These exercises are applied in some primary schools in Kien Giang province and the results show that this method is appropriate to improve writing skill for students grade 4 and can be seen a reference for application of other provinces.

Keywords: Comparison skill, descriptive writing, writing skill.

Trong đời sống thường ngày, con người giao tiếp chủ yếu thông qua hệ thống ngôn ngữ. Chính vì vậy, nhằm giúp học sinh (HS) tiểu học (TH) sử dụng tốt ngôn ngữ để giao tiếp, Chương trình Tiếng Việt (TV) TH đặc biệt chú trọng nhiệm vụ hình thành và phát triển 4 kĩ năng sử dụng tiếng Việt là: *nghe, nói, đọc, viết*.

Trong **TV4**, *văn miêu tả* (VMT) chiếm một vị trí lớn về thời lượng (56%). Luyện tập viết VMT là một hoạt động sáng tạo của HS - bởi thông qua hoạt động này, các em có thể phát triển trí tưởng tượng và khả năng cảm nhận của mình về thế giới xung quanh như đồ vật, cây cối, con vật... Qua bài *Tập làm văn* (TLV), HS thể hiện được những xúc cảm trong suy nghĩ của mình từ những điều mà chính mắt các em quan sát được. Muốn viết được những đoạn văn hay, miêu tả nổi bật đặc điểm của các đối tượng quan sát được, HS phải có cách diễn đạt sinh động hấp dẫn. Điều này chỉ có thể đạt được khi các em có kĩ năng sử dụng nghệ thuật *so sánh* (SS) hoặc nhân hóa. Các câu văn, đoạn hoặc bài có nhiều hình ảnh SS, nhân hóa phong phú, sinh động sẽ hấp dẫn người đọc, người nghe.

1. Vai nét về VMT

"*Miêu tả là vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của cảnh, của người, của vật để giúp người nghe, người đọc hình dung được các đối tượng ấy*" (**TV4**, tập 1- Chương trình hiện hành).

Với nội dung chương trình, dạy VMT được thể hiện qua hai kiểu bài là *Hình thành kiến thức mới* và

Luyện tập thực hành. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu về việc xây dựng hệ thống bài tập (BT) rèn luyện kĩ năng sử dụng phép tu từ SS ở kiểu bài văn miêu tả.

TV4 đã tập trung trọng tâm vào dạy VMT, có cấu trúc chặt chẽ, đi từ lí thuyết đến thực hành luyện tập. Nội dung chương trình đã xây dựng vừa dựa trên vốn sống của HS, vừa qua phân tích các ngữ liệu mẫu để cung cấp và mở rộng thêm vốn từ cho HS, giúp cho HS phát triển hài hòa phù hợp với tất cả các vùng miền trên cả nước.

2. Các biện pháp bồi dưỡng kĩ năng sử dụng nghệ thuật SS để viết VMT cho HS lớp 4

2.1. Căn cứ vào đặc điểm tâm lí lứa tuổi của HS lớp 4. HS lớp 4 đã bắt đầu bước vào tuổi thiếu niên. Tình trạng "dâng cao" cảm xúc khiến trẻ em tuổi này có một sự thay đổi đáng kể là: các em thay hoạt động sáng tạo yêu thích là vẽ ở giai đoạn trước tuổi đến trường và đầu tiểu học bằng hình thức sáng tạo lời. So với vẽ, và đặc biệt là những bức vẽ của trẻ em còn chưa hoàn thiện thì "*lời nói cho phép diễn đạt dễ dàng hơn rất nhiều lần những quan hệ phức tạp, những tính chất bên trong, những sự vận động, logic, sự phức tạp của sự kiện*" (Vygotsky L.X). Vì vậy, từ lớp 4, hoạt động sáng tạo yêu thích của các em là sáng tạo văn học. Nếu được học văn theo một chương trình phù hợp, một phương pháp dạy học tốt thì trẻ em độ tuổi này rất thích học văn. Được thể hiện những cảm xúc

* Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang

trong lòng, thả sức tưởng tượng, không ít HS đã viết được những bài văn khá hoàn chỉnh, hấp dẫn và giàu cảm xúc. Do đặc điểm tâm lí, HS lớp 4 có những ảnh hưởng nhất định đến quá trình tổ chức các hoạt động dạy học của giáo viên (GV), do đó GV cần vận dụng đặc điểm này vào việc dạy học.

2.2. Căn cứ vào mục tiêu dạy phân môn TLV ở lớp 4. Phân môn TLV giúp HS trang bị những kiến thức và rèn luyện các kĩ năng thực hành TLV. Góp phần cùng các môn học khác mở rộng, phát triển vốn sống, rèn luyện tư duy logic, tư duy hình tượng, bồi dưỡng tâm hồn, cảm xúc, khả năng thẩm mĩ, hình thành và phát triển nhân cách cho HS.

2.3. Căn cứ vào đặc điểm của nghệ thuật SS. SS tu từ không chỉ dùng để SS đối chiếu 2 đối tượng khác loại của thực tế khách quan mà còn có thể là đối tượng cùng loại: âm thanh với âm thanh, hoạt động với hoạt động. SS tu từ gợi lên những cảm xúc thẩm mĩ, sự liên tưởng. Ngữ liệu để dạy phép SS thể hiện tính linh hoạt và sinh động rất phù hợp với tâm lí lứa tuổi HS TH.

2.4. Căn cứ vào đặc điểm của VMT. VMT mang tính thông báo, tính thẩm mĩ, chứa đựng cảm xúc của người viết. VMT mang tính sinh động tạo hình và sáng tạo; ngôn ngữ giàu cảm xúc và có khả năng diễn tả những hình ảnh phong phú.

2.5. Căn cứ vào quy trình dạy môn TLV nói chung, gồm các bước: 1) Tìm hiểu đề bài, xác định đúng yêu cầu, để khi làm văn không bị lạc đề, ý tả không lan man; 2) Tìm những ý cần thiết, phù hợp để triển khai làm bài văn mạch lạc; 3) Biết lập dàn bài từ sơ lược đến chi tiết, biết sắp xếp ý tả theo một trình tự hợp lí; 4) Tập chuyển dàn ý chi tiết thành văn nói (nói từng câu đến từng đoạn và cuối cùng là nói cả bài văn; 5) Tập diễn đạt thành bài văn viết miêu tả hoàn chỉnh.

2.6. Căn cứ vào quy trình dạy VMT ở lớp 4: Quan sát và tìm ý; Lập dàn ý; Nói và viết đoạn văn; Nói và viết bài văn.

3. Xây dựng hệ thống bài tập - biện pháp bồi dưỡng kĩ năng sử dụng nghệ thuật SS để viết VMT cho HS lớp 4

Hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng sử dụng nghệ thuật SS dành cho HS lớp 4 có thể phân thành 3 nhóm bài. Mỗi nhóm bài được xây dựng có hệ thống, đi từ dễ đến khó; từ đơn giản đến phức tạp; tương ứng với những yêu cầu và kiến thức về phép tu từ SS. Qua đó, giúp HS nắm vững về nghệ thuật SS, vận dụng viết được những câu văn có nội dung SS vào trong

bài TLV, giúp cho bài văn thêm phong phú về hình ảnh và sinh động.

3.1. Bài tập nhận biết nghệ thuật SS. Trong chương trình TLV lớp 4, HS phải linh động, sáng tạo những câu văn trong miêu tả đồ vật, con vật và cây cối. Đây là bước chuẩn bị, là nền tảng cho HS học tiếp lên chương trình TLV lớp 5 và các lớp sau. Phép tu từ SS, sang lớp 4 đã được tích hợp trong các phân môn như Tập đọc, Luyện từ và câu, Kể chuyện.

Bài tập về nhận biết nghệ thuật SS có thể phân thành 4 dạng sau: - Bài tập về tìm những sự vật được SS; - Bài tập về tìm các từ dùng để SS; - Bài tập về tìm các hình ảnh dùng để SS; - Bài tập về tìm các đặc điểm được SS.

3.2. Bài tập vận dụng nghệ thuật SS, gồm 2 dạng sau:

3.2.1. Điền từ SS thích hợp vào câu miêu tả. Ví dụ BT: Điền từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành những câu văn có hình ảnh SS gợi tả hoàn chỉnh: a/ Mặt biển sáng trong... tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch; b/ Con thuyền bơi trong sương... bơi trong mây; c/ Dòng sông... một tấm gương tráng thủy ngân xanh, soi rõ trời cao và những cánh cò trắng muốt bay qua; d/ Một dải mây mỏng, mềm mại... một dải lụa trắng dài vô tận; đ/ Trên trời xanh biếc có vài đám mây trắng đung đính bay... những chiếc thuyền buồm khoan thai lướt trên mặt biển.

3.2.2. Điền thêm về câu có hình ảnh SS. Đây là dạng bài tập mà GV phải sưu tầm ngữ liệu từ những câu văn, đoạn văn, câu thơ, đoạn thơ...; trong đó GV phải chuẩn bị các tình huống, các ý mà HS có thể nêu khi sử dụng phép tu từ SS và yêu cầu HS vận dụng những kiến thức đã học, sử dụng vốn từ sẵn có của mình, kết hợp với bạn, tổ, nhóm để tìm các hình ảnh SS thích hợp tạo thành các câu văn có hình ảnh SS.

3.3. Bài tập vận dụng nghệ thuật SS vào TLV. Đây là dạng BT củng cố và nâng cao, HS vận dụng được những kiến thức đã học được từ các dạng BT cơ bản trước để ứng dụng vào các bài làm theo yêu cầu: tả đồ vật, tả con vật, tả cây cối ở TLV lớp 4.

Bài tập vận dụng nghệ thuật SS vào TLV gồm 2 dạng BT: Viết câu văn có hình ảnh SS và viết đoạn văn miêu tả có sử dụng hình ảnh SS.

4. Vận dụng hệ thống bài tập vào thực tiễn dạy VMT ở TH trong địa bàn TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Qua quá trình vận dụng tại một số trường TH trong

địa bàn TP Rạch Giá và khảo sát mức độ hứng thú của HS trong khi làm bài VMT, chúng tôi thu được kết quả như sau (xem bảng):

Trường	Lớp	Số HS	Mức độ hứng thú					
			Rất thích		Thích		Không thích	
			SL	%	SL	%	SL	%
Nguyễn Bá Ngọc	Thí nghiệm	20	12	60	6	30	2	10
	Đối chứng	20	3	15	8	40	9	45
Lương Thế Vinh	Thí nghiệm	20	13	65	6	30	1	5
	Đối chứng	20	3	15	7	35	10	50
Mạc Đình Chi	Thí nghiệm	20	14	70	5	25	1	5
	Đối chứng	20	2	10	9	45	11	55
Nguyễn Chí Thanh	Thí nghiệm	20	14	70	5	25	1	5
	Đối chứng	20	2	10	10	50	8	40
Kim Đồng	Thí nghiệm	25	16	64	7	28	2	10
	Đối chứng	25	5	20	10	40	10	50
Tổng hợp	Thí nghiệm	105	69	65,71	29	27,61	7	6,67
	Đối chứng	105	15	14,29	44	41,90	48	45,71

Bảng trên cho thấy, HS rất hứng thú học tập khi được sáng tạo trong TLV, vì vậy GV phải biết định hướng, gợi mở cho HS, các BT vận dụng dạy học giúp các em tìm được cách lựa chọn các hình ảnh SS giàu hình ảnh, cảm xúc phù hợp với vốn từ và tâm lí và trình độ nhận thức của HS; biết tổ chức hướng dẫn HS vận dụng phép tu từ SS vào các phân môn khác

của môn TV. Bằng những cách này, GV đã giúp HS tự hoạt động để chiếm lĩnh tri thức.

Kết quả thực nghiệm sư phạm đã chứng minh tính khả thi của hệ thống BT rèn luyện kĩ năng sử dụng phép tu từ SS nhằm bồi dưỡng năng lực viết văn cho HS ở lớp 4; tạo hứng thú khi học TLV miêu tả ở các em và mang lại những kết quả khả quan. HS tham gia học VMT một cách chủ động, câu văn viết sáng tạo hơn, có nhiều hình ảnh SS phong phú, gợi cảm, không rập khuôn, sáo rỗng. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Tú Nam - Phạm Hồ - Bùi Hiền - Nguyễn Quang Sáng (2006). *Văn miêu tả và kể chuyện*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Thị Kim Dung (2009). *Những bài văn hay lớp 4*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Đinh Trọng Lạc (2000). *99 phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Trí (2000). *Dạy Tập làm văn ở tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [5] Lê Phương Nga - Nguyễn Trí (2009). *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Giáo dục.

Một số biện pháp nâng cao hiệu quả...

(Tiếp theo trang 22)

Ngô Mây trong thời điểm cụ thể; - Đề xuất được giả thuyết khoa học phù hợp với điều kiện dạy học của Trường THCS Ngô Mây; - Đã lựa chọn được 04 chủ đề thích hợp, soạn 04 giáo án dạy học theo PPBTNB để rèn KN NCKH cho HS theo hướng đổi mới cách dạy, cách học, cách kiểm tra đánh giá môn Hóa học; - Đã sử dụng Bộ công cụ đánh giá KN NCKH của HS theo PPBTNB gồm: Đề kiểm tra hóa học; Bảng kiểm quan sát; Phiếu hỏi HS,... theo hướng đổi mới nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá của Bộ GD-ĐT; - Đã tổ chức kiểm tra, đánh giá HS thực nghiệm, thu thập, phân tích dữ liệu để tìm được giá trị của các tham số thống kê cần thiết; từ đó, khẳng định bước đầu hiệu quả của việc áp dụng PPBTNB trong dạy học Hóa học.

Các biện pháp ở trên hiện đang được thực hiện ở các trường THCS tại Bình Định và đã đạt những hiệu quả ban đầu. Theo chúng tôi, cần triển khai áp dụng các biện pháp này vào dạy học môn Hóa học ở các trường THCS trên toàn quốc, góp phần thực hiện chỉ

đạo theo đề án triển khai thực hiện PPBTNB của Bộ GD-ĐT. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2012). *Tài liệu tập huấn Cán bộ quản lí về tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trường trung học cơ sở*.
- [2] Vũ Anh Tuấn - Đặng Thị Oanh - Cao Thị Thặng - Phạm Thị Bích Đào (2012). *Tài liệu tập huấn: Phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học môn Hóa học cấp trung học cơ sở*. Bộ GD-ĐT, Chương trình phát triển trung học.
- [3] Cao Thị Thặng - Lê Ngọc Vịnh (2014). *Thiết kế bộ công cụ đánh giá kết quả dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn Hóa học*. Tạp chí Giáo dục, số 341, kì 1/9/2014.
- [4] Lê Ngọc Vịnh - Cao Thị Thặng (2013). *Bước đầu áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột để dạy học môn Hóa học tại một số trường trung học cơ sở tỉnh Bình Định*. Tuyển tập báo cáo Hội nghị Hóa học toàn quốc lần thứ 6, tr 163-170.
- [5] Lê Ngọc Vịnh - Cao Thị Thặng (2014). *Thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học tích cực theo phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn Hóa học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 109 tháng 10/2014, tr 45-52.